

mối quan hệ giữa chính quyền và những thay đổi kinh tế - xã hội ở Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia

Giáo sư tiến sĩ WILFRIED LULEI
Đại học Tổng hợp Humboldt Berlin
Cộng hòa dân chủ Đức

Chỉ những nước ở châu Á và châu Phi chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, thì một câu hỏi gắn liền với mức độ phát triển kinh tế thấp kém và tình hình kinh tế - xã hội bao giờ cũng được đặt ra là: Liệu một sự phát triển như thế có thể thực hiện được không và nếu được thì dưới những điều kiện nào? Có thể chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa được chưa khi mà nền sản xuất nhỏ lạc hậu vẫn còn giữ vai trò chủ yếu, nền kinh tế nhiều khu vực vẫn tồn tại, năng suất lao động thấp kém, trình độ văn hóa ít ỏi và quá trình hình thành giai cấp công nhân vẫn chưa kết thúc? Trong những năm gần đây, câu hỏi này thường hay được nêu ra đối với Lào.

Thực tế, một điều hoàn toàn rõ ràng là chính quyền ở Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia nắm vững chắc trong tay nhân dân và được đại diện bằng một đảng. Mác xít Lê-nin nói, một chính đảng luôn luôn lấy liên minh giữa giai cấp công nhân còn non trẻ với các lực lượng cách mạng tiên bộ khác, làm chỗ dựa của mình. Cương lĩnh của Đảng về phát triển xã hội không những thấu tóm mọi gì mà mức độ phát triển của lực lượng sản xuất đòi hỏi, mà còn nhìn xa bao quát rộng hơn. Điều này không có gì bất thường.

Trong tác phẩm «Hai sách lược của những người xã hội dân chủ trong cách mạng dân chủ», Lê-nin đã đặt ra câu hỏi: «Chúng ta có quyền chiến thắng không?». Câu hỏi đó đã được khoa học Mác-Lenin trả lời một cách thỏa đáng. Các nước xã hội chủ nghĩa Xô viết Trung Á và Cộng hòa nhân dân Mông-cô là những nước đầu tiên chứng minh rằng: hoàn toàn có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội từ những nền kinh tế tư bản, bỏ qua chế độ xã hội tư bản. Như vậy là việc chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa cũng có thể thực hiện được khi mà vị trí xuất phát về kinh tế và xã hội không thuận lợi. Tuy nhiên, sự khẳng định này không thay đổi một điều rõ ràng là: trong những trường hợp như vậy thì bao giờ cũng tồn tại một mâu thuẫn sâu sắc giữa điều kiện kinh tế và đòi hỏi xã hội, mâu thuẫn này mong mỗi một giải pháp. Trên phương diện này có nhiều vấn đề phức tạp đã được tranh luận và nghiên cứu rộng rãi, ví dụ như:

— Trong những hoàn cảnh như thế nào thì có thể chuyển từ cách mạng
tộc dân chủ sang cách mạng xã hội chủ nghĩa?

— Đứng về mặt mức độ phát triển kinh tế — xã hội thì những tiền đề
là cần thiết cho quá trình chuyển sang ấy?

— Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phải được thiết lập trong phạm
nhịp độ như thế nào?

— Thời kỳ quá độ kéo dài bao lâu và phải trải qua những giai đoạn nào?
Và còn rất nhiều câu hỏi tương tự như thế!

Rất rõ ràng là con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phát triển của các
thuộc địa, lạc hậu trước kia ở châu Á sẽ rất lâu dài và trải qua nhiều giai đoạn.
Những giai đoạn đầu tiên chắc chắn là phải thực hiện trước hết những nhiệm
vụ của cuộc cách mạng dân chủ. Mọi sự nóng vội đều sẽ có hại cho con đường
chủ nghĩa xã hội hơn là có lợi.

Tôi hoàn toàn ủng hộ lời đòi hỏi nêu trong báo cáo chính trị tại Đại hội
Đảng cộng sản Liên-xô rằng chúng ta cần phải nghiên cứu kỹ càng hơn nữa
đề dưới những tiền đề nào thì chủ nghĩa xã hội có thể hình thành và phát
được ở những nước « lạc hậu về trình độ kinh tế và xã hội, và khác nhau
về hình thái kinh tế, về truyền thống lịch sử và dân tộc ». Khi đó cần phải
phục những tưởng tượng (hình dung) lạc hậu và dưng cảm đi trên những
đường mới trong lý luận và thực tiễn. Đồng thời cần thiết phải phân tích
cách chính xác hơn những kinh nghiệm đã tích được từ quá khứ và tiếp tục
nên con đường mới trên cơ sở những cái đã đạt được.

Tôi muốn giới hạn bài này trong một vấn đề và phân tích vấn đề đó từ
sở kinh nghiệm thực tiễn ở Việt Nam, Lào và Căm-pu-chia: Mọi quan hệ
củng cố chính quyền và những thay đổi kinh tế — xã hội. Tôi sẽ xuất phát
quan điểm là dưới những điều kiện thuận lợi nhất định có thể bắt đầu con đường
đi lên chủ nghĩa xã hội từ những quan hệ tiền tư bản; tuy nhiên « con đường
gọn » này (như Mác đã gọi) không thể được hiểu với nghĩa là một sự phát
nhanh chóng hay dễ dàng. Sự chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa có
bắt đầu dưới những điều kiện lạc hậu về kinh tế — xã hội, nhưng sự lạc hậu
phải được vượt qua một cách có định hướng, nếu như không muốn làm trì
hoặc đẩy ngược quá trình cách mạng. Trong quá trình cách mạng đó thì sự
đạo chính trị vững vàng và có mục tiêu rõ rệt là rất quan trọng, nhưng nó
không thể bù lại về lâu dài tình trạng kinh tế lạc hậu. Công cuộc cách mạng xã hội
chủ nghĩa đòi hỏi không những phải thiết lập nền chuyên chính vô sản, củng cố
liên minh với tất cả các tầng lớp lao động, xóa bỏ áp bức dân tộc, bảo vệ
quả xã hội chủ nghĩa và hợp tác chặt chẽ với các nước xã hội chủ nghĩa anh
mà còn phải tạo nên sở hữu xã hội đối với những phương tiện sản xuất
quan trọng nhất, phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa, phát triển một cách mau
lực lượng sản xuất, nâng cao mức sống về vật chất và văn hóa cho nhân dân
động và tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hóa và tư tưởng.

Vấn đề quan trọng ở đây không phải là bắt đầu tiến hành càng nhanh
tốt tất cả các biện pháp cùng một lúc, mà là thực hiện các bước cần thiết
ở mỗi điểm và bằng những phương pháp thích hợp. Về mặt này khi Đảng

liệt Nam, Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Đảng Nhân dân cách mạng
bu-china có nhiều kinh nghiệm quý báu, xứng đáng được khái quát hóa.

Cho tới năm 1975, nhân dân ba nước Đông Dương phải trải qua những cuộc
đấu ác liệt chống bọn xâm lược đế quốc và bè lũ tay sai của chúng. Trong
cảnh đó, họ đã buộc phải gác lại những thay đổi nhanh chóng về kinh tế —
vi. Trong cương lĩnh của Việt Minh năm 1945 không có phần tịch thu tài sản
của địa chủ và tư bản, cũng như cải cách ruộng đất. Cương lĩnh chỉ đòi hỏi
hủy bỏ sở hữu của bọn xâm lược ngoại bang và bọn phản quốc, cũng như chia
đồng công và giảm nhẹ nợ nần và địa tô. Trong cương lĩnh chính trị của
Đảng Lào yêu nước năm 1968 đã nêu ra đòi hỏi chấm dứt sự bóc lột kinh tế
của bọn đế quốc, thanh toán tàn dư bóc lột phong kiến, giảm địa tô
và lập các xí nghiệp nhà nước đồng thời khuyến khích các xí nghiệp
tư nhân.

Ước thâm trọng này đã bảo đảm cho một liên minh dân tộc rộng rãi tiếp tục
phát triển. Như vậy là nó đã góp phần củng cố chính quyền nhân dân. Trong thời
đó, những biện pháp quá vội vàng sẽ có hại. Ngay từ năm 1922, trong bài
« Ý nghĩa về vấn đề thuộc địa » đồng chí Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng danh
từ « Bôn-sê-vich » thường bị gán cho cái nghĩa là « Sự phá hoại tất cả »
và nói rằng « làm cho quần chúng vô học và nhút nhát xa lánh chúng ta ».

Nguyên nhân, cách giải quyết đề đặt không phải lúc nào cũng đúng. Ngay từ năm
1945 (vẫn trong thời gian kháng chiến chống thực dân Pháp) thì ở Việt
Nam đã cho thấy rằng một cuộc cải cách ruộng đất triệt để là cần thiết nhằm
đảm bảo sự tiếp tục ủng hộ chính quyền nhân dân của bà con nông dân. Dân
ở nông thôn đòi hỏi những thay đổi căn bản về các quan hệ sở hữu. Những
giới thiệu trong cương lĩnh của Đảng Lao động Việt Nam tháng 3 năm 1951:
« Sự dư thừa chế độ phong kiến và nửa phong kiến kìm hãm sự tiến bộ của
Việt Nam mới và là một gánh nặng đối với nông dân — đại đa số dân ở
nông thôn » đã được chứng thực. Quyết định tại kỳ họp khóa ba của Quốc hội
tháng 12 năm 1953 về cải cách ruộng đất đã có một tác dụng động viên vô cùng
đối với nông dân.

Hợp tác xã định Giơ-ne-ve 1954, ở Việt Nam dân chủ cộng hòa đã tiến hành
thực hiện những cải tạo dân chủ và xã hội chủ nghĩa; trong thời gian 1954 — 1958
đã hành trình trước hết là:

Tịch thu các xí nghiệp và ruộng đất nằm trong tay chủ ngoại quốc và thành
lập xí nghiệp quốc doanh;

Tịch thu tài sản của địa chủ bán xứ. 2.104.000 (hai triệu mười vạn bốn
nghìn) gia đình nông dân, tức là hơn 2 phần 3 tổng số gia đình ở miền Bắc được
đồng ruộng đất;

Quốc hữu hóa các xí nghiệp của bọn phản quốc;

Khuyến khích thợ thủ công cá thể cũng như những xí nghiệp sản xuất
nhỏ loại nhỏ và loại vừa;

Bắt đầu xây dựng những xí nghiệp quốc doanh cỡ lớn với sự ủng hộ của
toàn xã hội chủ nghĩa anh em.

tổ lấy cho *khít*. Hơn nữa, trong chiều hướng biến đổi ngữ âm có thể xảy ra đổi *khít*, ta sẽ thấy xuất hiện *khìn khít* :

Khít → *khít khít* → *khìn khít*.

Như vậy xét đến cùng, nếu chấp nhận có hiện tượng lấy ở đây thì chỉ *khìn* là yếu tố lấy cho *khít* chứ không lấy cho *khít*. Vì vậy mà không thể *khìn* là yếu tố lấy cho *khít khít* (cả hai) được.

b2) Giả sử khả năng thứ hai có thể xảy ra, trong trường hợp này, *khít* là tổ gốc, *khìn khít* là hai yếu tố lấy cho nó. Ở đây lại ngược với trường hợp 1 hai yếu tố lấy cho một yếu tố?

Cũng tương tự và như đã phân tích trên đây, *khìn* không lấy cho *khít*. Vì ngay ở đây cũng có thể nói rằng *khìn khít* (tức cả hai) không phải là thành phần lấy cho *khít*.v.v...

Nếu chấp nhận sự phân tích như vậy thì rõ ràng hai khả năng trên không xảy ra.

Thế nhưng, nếu xuất phát từ yếu tố gốc là *khít khít* thì trong toàn tổ *khít khìn khít* phải nói rằng có một bộ phận lấy. Đó là hai âm tiết sau: *khít*. Nói một cách khác, trong *khít khìn khít* có hiện tượng lấy.

— Trong tiếng Việt ta thấy có một lớp từ như :

Trắng phau → trắng phau phau

Đen láy → đen lay láy

Đỏ lòm → đỏ lòm lòm

Xanh lè → xanh lè lè

Thơm phức → thơm phưng phức

Nặng trĩch → nặng trình trĩch

v.v... v.v...

Nếu đặt trường hợp (1) bên cạnh lớp từ này thì nói chung, về cơ bản có thể nói là tương tự giống nhau. Sự khác nhau ở đây dường như chỉ là về mặt thức mà cũng chỉ là một phần nào đó mà thôi.

So sánh :

1. Khít khìn khít :

— Có một bộ phận được lặp lại trong toàn bộ tổ hợp (phụ âm đầu *kh*)

— Hai âm tiết sau thỏa mãn tiêu chí lấy (theo quy luật ngữ âm).

— Có ý nghĩa tuyệt đối: rất khít

2. Nặng trình trĩch :

— Không có bộ phận nào lặp lại trong toàn bộ tổ hợp.

— Hai âm tiết sau thỏa mãn tiêu chí lấy (theo quy luật ngữ âm)

— Có ý nghĩa tuyệt đối: rất nặng.

Ngoài ra, nói đến sự khác nhau của hai trường hợp trên còn có thể tính đến tính chất « chặt » và « lỏng » trong kết cấu của tổ hợp nữa.

Có lẽ do có một bộ phận được lặp lại trong toàn tổ hợp (phụ âm đầu) mà *khít khìn khít* người ta cảm thấy kết cấu chặt hơn so với *nặng trình*

vậy, ở một góc độ nào đó, người ta có cảm tưởng *khlt khin khjt* như là một vị v.v...

Sự so sánh trên đây cho chúng tôi thấy rằng, nên xếp trường hợp (1) vào từ này là có thể chấp nhận được. Và nếu vậy thì những trường hợp đang trên đây sẽ thuộc vào một loại từ ghép chính — phụ mà yếu tố phụ được lấy theo phương thức lấy: xét toàn tổ hợp thì đây chưa phải là từ lấy hoàn toàn. Nhưng nếu xét từng bộ phận thì rõ ràng trong đó có hiện tượng lấy.

Sự trùng hợp về mặt ngữ âm đối với từ lấy, chúng tôi coi đó có thể là một ngẫu nhiên mà thôi?

Nói chung, tuy không cụ thể như thế, trường hợp *dừg dừg dừg* (2), xét cùng cũng không phải là từ lấy.

— Nếu chúng ta xuất phát từ yếu tố thứ ba, yếu tố này có đặc điểm: nhất đều mang thanh không, nghĩa của nó phần nào phù hợp với nghĩa của toàn hợp, và bằng một lối nói, chúng tôi tạm gọi là lối nói theo kiểu lấy v.v... đều để tạo ra được những tổ hợp gồm bốn âm tiết và phải chăng những trường hợp đang xét trên đây là kết quả của sự rút gọn từ những tổ hợp từ gồm bốn âm này?

Dừg dừg dừg	(... dừg dừg dừg dừg
Còn còn còn	(... còn còn còn còn
Tèo tèo tèo	(... tèo tèo tèo tèo
v.v...	v.v...

Chỉ có một điều là, nếu vậy thì trong tiếng Việt, ta có thể lấy bất cứ một từ âm tiết nào đó mà mang thanh không và bằng cái lối nói trên đây, ta cũng sẽ tạo ra được những dạng thức tương tự. Dĩ nhiên những trường hợp này về ta chưa nghe thấy hoặc ít nghe thấy hơn những trường hợp đang xét. Đó là điều mà chúng tôi thấy còn phải tiếp tục nghiên cứu thêm.

3. Những trường hợp gọi là từ lấy tư

Phân tích những trường hợp (3, 4, 5, 6) ta thấy: một sự tập hợp như vậy đơn thuần về mặt ngữ âm. Nếu chú ý đến những mặt khác, ví dụ như ý nghĩa thì sau phân tích về mặt cấu tạo v.v... thì rõ ràng phải tách trường hợp (3) ra ba trường hợp sau.

a) Về ý nghĩa

— Lấy một từ như *lấp la lấp lánh* chẳng hạn, ta thấy: *lấp la lấp lánh* thường về sự phản xạ ánh sáng: khi có khi không. Mà hiện tượng này không phải diễn ra có một lần mà nhiều lần liên tục kế tiếp nhau không dứt quãng: khi ở trạng thái thế này (có), khi thì ở trạng thái khác (không), ngược lại. Các trạng thái ở đây luân phiên đáp đối cho nhau tạo ra dao động có chu kỳ (1)

— Ngay trong nội bộ từ, hai âm tiết sau: *lấp lánh* cũng đã tạo thành một từ, chúng ta đã biết, đó là một từ lấy đôi. Nói như thế có nghĩa là, ngay trong nội bộ của từ cũng đã có một bộ phận diễn đạt cái ý nghĩa nói trên (2). Sự tham gia hai âm tiết *lấp la* vào *lấp lánh* tạo thành từ *lấp la lấp lánh*, so với *lấp lánh* mức độ dao động được miêu tả ở đây tăng lên một cách rõ rệt.

(1) Xem thêm phần giải thích *gật gù* — tạp chí đã dẫn, trang 52 ..

(2) Văn Tân — Từ điển tiếng Việt — từ lấp lánh, trang 599...

hiện nay, sự thiết lập quan hệ sở hữu xã hội chủ nghĩa gặp những trở ngại hơn là trong những năm 50 ở miền Bắc Việt Nam. Có rất nhiều nguyên nhân khác nhau.

Ở miền Nam Việt Nam, nhiều nông dân của những vùng giải phóng đây đã có nhiều kinh nghiệm lâu năm về làm ăn tập thể và họ có thái độ thành đối với hợp tác xã. Mặt khác, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở thôn trong một số vùng đã khá mạnh, cho nên việc thử hợp tác hóa nhanh đem lại kết quả. Đảng cộng sản Việt Nam định hướng rất đúng đắn cho tỉnh này về một sự cải tạo từng bước và từng giai đoạn.

Ở Lào thì cần phải chú ý là trong nhiều vùng nền kinh tế tự cung vẫn còn giữ vai trò chủ yếu. Ngoài ra, tệ đốt rừng lấy đất canh tác vẫn còn phổ biến. Ở những địa phương này, bên cạnh phong trào hợp tác xã — những vùng lúa nước đã đạt được những tiến bộ đáng kể — còn có một vụ nữa là: định canh định cư cho nông dân, đưa họ vào nền sản xuất công trường, nâng cao mức sống và trình độ văn hóa cho họ.

Ở Cam-pu-chia, khái niệm về hợp tác xã phần nào còn bị ám ảnh bởi hình ảnh về những Công xã bắt buộc dưới thời Pôn-Pốt. Mặt khác, ở nhiều việc tương trợ và hợp tác đã tỏ ra là một phương tiện quan trọng để vượt những tai họa lớn và để tăng cường sản xuất: Đảng nhân dân cách mạng cam-pu-chia theo đuổi mục đích là đưa nhân dân, trước hết là nông dân, vào hợp tác xã sản xuất qua nhiều bậc trung gian.

Ở miền Nam Việt Nam và Lào, vào đầu những năm 80, một số quy định nhịp độ cải tạo kinh tế — xã hội đã được sửa lại. Mục đích cơ bản vẫn được nguyên, nhưng nhịp độ và phương pháp thì thích hợp hơn với điều kiện sản xuất. Trong quyết định này, cả hai Đảng đều xuất phát từ quan điểm là: không nên thi hành về hành chính và những thành tích về số lượng cần được lên hàng đầu, mà là những thay đổi kinh tế — xã hội đó phải luôn luôn phụ thuộc củng cố chính quyền nhân dân về chính trị và kinh tế. Trải qua 58 năm từ ngày thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương, những người cộng sản nước Đông Dương càng ngày càng nắm vững hơn phép biện chứng Đường lối của họ bao giờ cũng hướng vào việc chuẩn bị chu đáo về mặt chính trị những cải tạo kinh tế — xã hội do đòi hỏi khách quan; hướng vào việc thiết phải làm cho quần chúng hiểu và cùng với quần chúng thực hiện những cải tạo đó. Chính vì thế mà những biện pháp này đã làm cho chính quyền nhân dân ngày càng lớn mạnh hơn. Dĩ nhiên, các Đảng anh em đôi khi cũng có những sai lầm và thiếu sót, nhưng bao giờ họ cũng nhanh chóng và kiên quyết sửa sai theo tinh thần Lê-nin. Điều đó không hề làm giảm sút uy tín của họ; trái lại, uy tín của Đảng càng được nâng cao.

Giá trị của những kinh nghiệm của nhân dân Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia chính là ở chỗ này. Ngay như ví dụ miền Bắc và miền Nam Việt Nam đã thấy: một sự tiến hành đập khuôn trong các điều kiện bên trong và bên ngoài không bao giờ như nhau là không có thể được. Tuy nhiên, sự hiểu biết về mối quan hệ khách quan giữa những cải tạo kinh tế — xã hội và việc thiết lập từng bước chính quyền nhân dân tiến tới thiết lập chuyên chính vô sản, như khả năng so sánh các biện pháp cụ thể để thực hiện những mục tiêu của những nước mà bên cạnh tất cả những sự khác nhau (trước hết là về vị trí phát triển kinh tế — xã hội) cũng có nhiều điểm giống nhau, là rất bổ ích.